

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ...  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST

Ngày: 16-6-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ..., TỈNH PHÚ YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đại Minh và bà Đào Thị Ngâm

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2025/TLST-DS ngày 16/01/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NĐ địa chỉ: số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh H vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 – chi nhánh N2 quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHN0-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc.

Ông H1 quyền lại cho ông Cao Tấn T vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N3 nhánh N1 làm đại diện theo giấy ủy quyền ngày 24/02/2025 của Giám đốc N nhánh N1 địa chỉ: D N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lương Văn D năm 1969 và bà Dương Thị L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N1, ông Cao Tấn T1 trình bày: Ngày 10/02/2023 giữa Ngân hàng N1 – chi nhánh N4 thành phố T, tỉnh Phú Yên (gọi tắt Ngân hàng) và ông D bà L1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4607LAV202300160 và phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày

10/02/2023, Ngân hàng cho ông D1 bà L vay số tiền 80.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Chăn nuôi bò. Lãi suất cho vay 13%/năm, lãi suất quá hạn 19.5%/năm. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 10/2/2025. Kỳ hạn trả lãi 06 tháng/1 lần vào ngày 10.

Để đảm bảo khoản vay này, ông D1 bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 149681, thửa đất số 162, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L2 ngày 04/8/2014; số vào sổ cấp GCN là CH 02643 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200120/HĐTC ngày 21/01/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200120/HĐTC/PLHĐTC ngày 10/02/2023.

Sau khi vay, ông D1 bà L đã trả nợ cho Ngân hàng như cam kết nhưng từ ngày 14/3/2024 cho đến nay ông D1 bà L đã không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở, yêu cầu ông D1 bà L trả nợ nhưng vẫn không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D1 bà L phải trả số tiền nợ tính đến ngày 16/6/2025 là 94.332.100 đồng trong đó nợ gốc 80.000.000 đồng, nợ lãi 14.332.100 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông D1 bà L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai ngày 26/02/2025 bị đơn bà Dương Thị L trình bày: Bà L thống nhất như lời trình của nguyên đơn và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 5/2025 cho đến khi trả hết nợ. Nếu vợ chồng tôi vi phạm thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

\* Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông D1 bà L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ... tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 296, 299, 322, 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông D1 bà L phải trả tiền nợ tính đến ngày 16/6/2025 là 94.332.100 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Đ, tỉnh Phú Yên nhưng theo khoản 3 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 4607LAV202300160 ngày 10/02/2023 các bên có thỏa thuận chọn Tòa án nơi đóng trụ sở của Ngân hàng để giải quyết tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ..., tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông D1 bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4607LAV202300160 và phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 10/02/2023 thì Ngân hàng Ncó cho ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L3 số tiền 80.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Chăn nuôi bò. Lãi suất cho vay 13%/năm, lãi suất quá hạn 19.5%/năm. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 10/2/2025. Kỳ hạn trả lãi 06 tháng/1 lần vào ngày 10.

Sau khi vay, ông D1 bà L đã trả nợ cho Ngân hàng như cam kết nhưng từ ngày 14/3/2024 cho đến nay ông D1 bà L đã không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền tính đến ngày 16/6/2025 là 94.332.100 đồng trong đó nợ gốc 80.000.000 đồng, nợ lãi 14.332.100 đồng.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200120/HĐTC ngày 21/01/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200120/HĐTC/PLHĐTC ngày 10/02/2023, ông D1 bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 149681, thửa đất số 162, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L2 ngày 04/8/2014; số vào sổ cấp GCN là CH 02643. Vì đây là tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay của ông D1 bà L tại Ngân hàng N1. Do đó, trường hợp bị đơn ông D1 bà L không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng N1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với yêu cầu của bị đơn bà L về việc xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 5/2025 cho đến khi trả hết nợ. Xét thấy, yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận nên yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông D1 bà L phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng nên bị đơn ông D1 bà L phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn ông D1 bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 317, 323, 325 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1.

Buộc bị đơn ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L4 trả cho nguyên đơn Ngân hàng N tổng cộng số tiền tính đến ngày 16/6/2025 là 94.332.100 đồng (*chín mươi bốn triệu ba trăm ba mươi hai nghìn một trăm đồng*) trong đó nợ gốc 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*), nợ lãi 14.332.100 đồng (*mười bốn triệu ba trăm ba mươi hai nghìn một trăm đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2025), bị đơn Lương Văn D1 bà Dương Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L5 trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng N1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 149681, thửa đất số 162, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L2 ngày 04/8/2014; số vào sổ cấp GCN là CH 02643 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200120/HĐTC ngày 21/01/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20200120/HĐTC/PLHĐTC ngày 10/02/2023 mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L6 nợ xong cho nguyên đơn thì nguyên đơn Ngân hàng N1 phải trả lại bị đơn ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L tài S đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L4 chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Do nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) nên bị đơn ông D1 bà L phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Về án phí : Bị đơn ông Lương Văn D1 bà Dương Thị L4 chịu 4.716.605 đồng (*bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn sáu trăm lẻ năm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nsố tiền tạm ứng án phí 2.171.000 đồng (*hai triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005763 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ..., tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp . ...
- Chi cục THADS Tp . ...
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Tân Sang**